

Bản án số: 08/2022/HS-ST
Ngày 21/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệu
2. Ông Phạm Ngọc Túy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 122/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Duy T, sinh ngày 01/10/1995 tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Duy T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1970; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án số 198/2016/HSST ngày 18/8/2016 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, ngày 30/4/2018 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 22/11/2016 thi hành xong án phí.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/10/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

(Bị cáo trích xuất có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963

Trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Khắc T1, sinh năm 1957

Trú tại thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Anh Lê Duy Th, sinh năm 1991

Trú tại: thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1970

Trú tại thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Người làm chứng:

- Anh Lê Quang P, sinh năm 1989

Trú tại: thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975

Trú tại thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Chị Đoàn Thị T2, sinh năm 1981,

Trú tại thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Có mặt bà Đ; vắng mặt ông K, ông T1, anh Th, anh P, chị H, chị T2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy T là người mắc nghiện chất ma túy, không có việc làm ổn định. Sáng ngày 30/8/2021, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Shmoto, sơn màu đỏ, biển kiểm soát 17K7-2488 của bố để là ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1967 ở cùng địa chỉ, đi từ nhà đến huyện Đông Hưng chơi, đến khoảng 08 giờ 30 phút T điều khiển xe mô tô theo Quốc lộ 10 để về nhà. Khi đi đến khu vực gần UBND xã Đ, thôn Đ, xã Đ, huyện Quỳnh Phụ, T quan sát thấy bên phải đường theo chiều xã Đ đi xã An Lễ có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đen, biển kiểm soát 17B5-253.83 của ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Quỳnh Phụ đang dừng ở sân trước cửa nhà, đầu xe hướng vào nhà, đuôi xe hướng ra đường, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện, xung quanh không có người nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này bán lấy tiền chi tiêu. T điều khiển xe mô tô 17K7-2488 đi qua vị trí chiếc xe mô tô 17B5-253.83 khoảng 20 mét về phía xã An Lễ thì quay lại, cách chiếc xe mô tô 17B5-253.83 khoảng 05 mét về hướng đi huyện Đông Hưng thì dừng, rồi dựng xe sát mép đường bên phải chiều xã Đ đi xã An Lễ. T rút chìa khóa điện xe mô tô 17K7-2488 cất vào túi, đi bộ đến chiếc xe mô tô 17B5-253.83, dùng tay phải vặn chìa khóa mở khóa điện rồi dắt lùi xe lại phía sau, ngồi lên xe đề nổ máy, điều khiển xe theo Quốc lộ 10 đi về hướng xã An Lễ. Khi đến khu vực cánh đồng thôn Đ, xã A, huyện Q, T dừng xe, mở cốp ra kiểm tra phát hiện trong cốp xe có 01 chứng nhận đăng ký xe của chiếc xe mô tô Honda Blade, biển kiểm soát 17B5-253.83, mang tên Nguyễn Thị H. Sau đó, T điều khiển xe đến nhà ông Nguyễn Khắc T1, sinh năm 1957, trú tại thôn Đ, xã A, huyện Q để vay tiền nhưng ông T1 không có nhà nên T điều khiển xe đi về nhà. Khoảng 14 giờ 00 phút cùng

ngày, T điều khiển xe mô tô 17B5-253.83 trộm cắp được đến nhà ông T1. Gặp ông T1, T đặt vấn đề muốn vay tiền, để lại chiếc xe mô tô 17B5-253.83 và đăng ký xe làm tin. Thấy xe có giấy tờ, ông T1 đồng ý cho T vay 6.000.000 đồng, đưa trước 5.100.000 đồng và hẹn lấy số tiền còn lại sau. Ông T1 viết giấy gửi xe và dùng điện thoại chụp ảnh T đứng cạnh xe mô tô (rõ biển kiểm soát). Sau khi cầm chiếc xe mô tô 17B5-253.83, T quay lại khu vực nhà ông K để lấy chiếc xe mô tô 17K7-2488 nhưng đã bị Cơ quan công an quản lý. Toàn bộ số tiền trên T đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 22/9/2021, ông T1 đã bán chiếc xe trên cho anh Lê Quang P, sinh năm 1989, trú tại thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình lấy 8.000.000 đồng (anh P mua hộ anh Lê Duy Th, sinh năm 1991 ở cùng thôn). Ngày 23/9/2021, anh Th điều khiển xe mô tô 17B5-253.83 đến địa phận xã Đ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thì được Công an xã Đ mời về trụ sở làm việc và thông báo chiếc xe là tài sản ông K trình báo bị mất trộm vào ngày 30/8/2021. Anh Th đã tự nguyện giao nộp lại chiếc xe để phục vụ quá trình xác minh, điều tra.

Ngày 30/8/2021, ông K có đơn trình báo gửi Công an xã Đ đề nghị giải quyết. Công an xã đã chuyển đơn cùng xe mô tô 17B5-253.83 và xe mô tô 17K7-2488 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện để giải quyết theo thẩm quyền. Căn cứ tài liệu xác minh, ngày 13/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ đã triệu tập Nguyễn Duy T lên làm việc.

Bản kết luận định giá tài sản số 62/KL-HĐĐGTS ngày 15/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Quỳnh Phụ kết luận: tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 30/8/2021, xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu sơn đen, biển kiểm soát 17B5-253.83 trị giá 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Cáo trạng số 09/CT-VKSQP ngày 29/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố Nguyễn Duy T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đ trình bày bà là mẹ đẻ của bị cáo T. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Shmoto, màu đỏ, biển kiểm soát 17K7-2488 là tài sản hợp pháp của bà và ông Nguyễn Duy T (đã chết). Việc T lấy xe đi sau đó trộm cắp tài sản bà không biết, hiện bà đã nhận lại chiếc xe mô tô này và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Bà và ông Nguyễn Khắc T1 và anh Nguyễn Duy Thiết đã tự thỏa thuận, thống nhất và đã giải quyết xong về phân trách nhiệm dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Duy T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trong bản Cáo trạng và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Duy T và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt

tạm giam 20/10/2021. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết. Ngoài ra, còn phát biểu về nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Trong phần tranh luận bị cáo Nguyễn Duy T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Duy T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 119 - 137); phù hợp với đơn trình báo, lời khai của bị hại ông Nguyễn Văn K (bút lục số 01; 138-143); Biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Khắc T1 (bút lục số 144-147); anh Lê Duy Th (bút lục số 148-155); bà Nguyễn Thị Đ (bút lục số 171-172); Biên bản ghi lời khai của những người làm chứng: anh Lê Quang P (bút lục số 156-161); chị Nguyễn Thị H (bút lục số 163-166); chị Đoàn Thị T2 (bút lục số 168-169); Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 08 giờ 40 phút và 09 giờ ngày 02/9/2021 (bút lục số 41-44); Các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Công an xã Đ lập hồi 11 giờ 30 phút ngày 30/8/2021 và 12 giờ 15 phút ngày 25/9/2021; biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật do Công an huyện Quỳnh Phụ lập hồi 15 giờ 25 phút ngày 12/10/2021 (bút lục số 45-46; 65-67), cùng nhiều tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng hơn 09 giờ ngày 30/8/2021, tại khu vực trước của nhà ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963 ở thôn Đ, xã Đ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Duy T có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, biển kiểm soát 17B5-253.83 trị giá 10.000.000 đồng của ông K. Hành vi của bị cáo Nguyễn Duy T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự: Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường

hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;

đ) Hành hung để tẩu thoát;

e) Tài sản là bảo vật quốc gia;

g) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

b) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi dùng thủ đoạn lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại mà bị cáo Nguyễn Duy T đã thực hiện vào ngày 30/8/2021 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương, gây T lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật song vì lười lao động, muốn kiếm tiền dễ dàng nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo đã từng bị xử phạt tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Do vậy hành vi của bị cáo đáng bị lên án.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2016 đã từng bị Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung như mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định và không có tài sản riêng.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, biển kiểm soát 17B5-253.83 là tài sản hợp pháp của ông K, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho ông K là đúng quy định.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Shmoto, màu đỏ, biển kiểm soát 17K7-2488 kết quả điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Duy T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ (là bố mẹ đẻ của bị cáo). Việc T lấy xe đi sau đó trộm cắp tài sản bà không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bà Đ là đúng quy định của pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Khắc T1 là người nhận giữ chiếc xe mô tô T trộm cắp và cho T vay 6.000.000 đồng. Kết quả điều tra xác định khi nhận giữ xe ông không biết đó là tài sản T trộm cắp nên Cơ quan điều tra không xử lý ông là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra ông K đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, biển kiểm soát 17B5-253.83 và không có đề nghị gì về phần trách nhiệm dân sự. Bà Nguyễn Thị Đ (thay bị cáo T), ông Nguyễn Khắc T1 và anh Nguyễn Duy Thiết đã tự thỏa thuận, thống nhất và đã giải quyết xong về phần trách nhiệm dân sự và các bên không có yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T **01 (một)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 20/10/2021.
3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.
4. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.
5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Duy T phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/01/2022); bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết, tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ; VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Doanh